TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-PT
Ngày: 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa
Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín
Ông Nguyễn Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử công khai, phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023. Do Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **LÊ HỮU L,** sinh năm: 1987 tại Trà Vinh; Nơi ĐKHKTT: Ấp C, xã D, huyện D, tỉnh Trà Vinh; Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm bánh bao; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N, sinh năm: 1962 và bà Phạm Thị Phà C, sinh năm:1961; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991 (đã ly hôn); Có 02 con: lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

2/ Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 2005; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Hữu L1 và Nguyễn Thị T là hai vợ chồng có với nhau hai người con chung cùng sinh sống tại nhà trọ thuộc khu phố E, phường T, thị xã L, trong thời gian sinh sống L1 cho rằng T có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên ghen tuông nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xích mích dẫn đến L1 đánh T, thấy vậy nên bà Hoàng Thị T1 (là mẹ ruột của T) chửi mắng L1. Giữa L1 và T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên T đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, T và L1 đã ly hôn, T cùng hai người con ra thuê nhà ở tại thôn H, xã T, thị xã L. Khoảng 22^{h} 00’ ngày 11/11/2022 L1 nhậu xong, điều khiển xe mô tô biển số 86B6-226.17 (T đứng tên giấy đăng ký xe) đến nhà T thuê trọ ở thôn H, xã T, thị xã L, khi đi L1 mang theo một con dao dài 30 cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại sắc, nhọn bọc sẵn trong người với mục đích gây thương tích cho T. Đến nơi L1 điều khiển xe tông vào cửa chính làm cửa bung ra rồi đi vào nhà hỏi Nguyễn Văn M (là em ruột T) chị T đâu, M hoảng sợ không trả lời, L1 cầm dao chém 01 nhát hướng từ trên xuống trúng tay phải của M, M bỏ chạy ra ngoài thì L1 đi ra bên hông nhà dùng tay giật bung cửa phòng ngủ ra, thấy T đang nằm trên nệm, L1 cầm dao xông đến chém T nhiều nhát trúng vùng tay, vùng má, bụng, vai lưng trái, ngực, nách trái, tiếp tục L1 cầm dao đâm xuống nền nhà làm gãy lưỡi dao. Sau đó L1 cầm cán dao điều khiển xe đến nhà bà Hoàng Thị T1 (cách nhà T khoảng 300 đến 400 mét) với mục đích gây thương tích cho bà T1 vì hôm trước bà T1 đã chửi mắng L1. L1 lấy 01 đoạn cây vuông dài 1,8 mét ném vào trong nhà qua lỗ thông gió rồi đi ra phía sau nhà lấy 01 con dao dài 38 cm, cán gỗ, lưỡi bằng kim loại sắc trên bi chứa nước rồi đi đến dùng tay giật bung cửa chính đi vào nhà. Lúc này bà T1 và Hoàng Thị L2 (là em ruột bà T1) đang ngủ chung phòng tỉnh dậy chạy vào phòng của Nguyễn Văn B (là con ruột bà T1) trốn. Khi B thức dậy vừa bước ra khỏi giường bị L1 cầm dao chém một nhát trúng vùng tay và hai nhát trúng vùng chân trái thì B ôm đầu ngồi xuống; L1 tiếp tục cầm dao chém bà T1 nhiều nhát trúng vùng đầu và vùng tay. Sau khi gây thương tích cho T, T1, M và B, L1 bỏ 02 con dao tại hiện trường rồi điều khiển xe mô tô đến gần nhà thờ H (thuộc xã T) tông vào cọc tiêu bên đường làm L1 té ngã xuống lề đường bất tỉnh. Sau khi sự việc xảy ra bà T1, T, B, M và L1 được người dân

đưa đến Bệnh viện Đ điều trị vết thương, do L1 bị thương nặng nên chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố H điều trị do bị chấn thương sọ não.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 72/2023/TgT ngày 13/12/2022 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh B kết luận thương tích của Nguyễn Văn M như sau:

- Vết thương phần mềm 1/3 trên ngoài cẳng tay trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (3,5 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1% *(một phần trăm)*.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 1% *(một phần trăm)*.

- Vết thương do vật sắc gây ra.

- Vết thương có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 73/2023/TgT ngày 13/12/2022 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh B kết luận thương tích của Nguyễn Văn B như sau:

- Vết thương phần mềm mặt mu ngón IV bàn tay phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (3,5 x 0,1) cm, vận động bình thường. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt trước cẳng chân trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (03 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt trước cẳng chân trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (2,5 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%

- Mẻ 1/3 giữa xương chày trái không có trong giấy chứng nhận thương tích nên không đủ cơ sở để tính tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 3% *(ba phần trăm)*.

- Các vết thương do vật sắc gây ra.

- Các vết thương có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 74/2023/TgT ngày 13/12/2022 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh B kết luận thương tích của Hoàng Thị T1 như sau:

- Vết thương phần mềm vùng đỉnh đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (2,2 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm vùng đỉnh chẩm giữa đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (6,8 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 2%.

- Vết thương phần mềm vùng đỉnh trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (4,7 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm vùng thái dương trái (không phải vùng đỉnh chẩm như trong giấy chứng nhận thương tích) đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (2,5 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm vùng trán đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (2,3 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 3%.

- Vết thương phần mềm mặt sau cổ tay trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (2,6 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương mặt mu đầu gần ngón I bàn tay trái, đứt gân duỗi ngón I đã được điều trị, hiện ngón I bàn tay trái hạn chế gấp, duỗi; để lại sẹo lành kích thước (04 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1% + 3%.

- Vết thương – chấn thương mặt mu đầu ngón II bàn tay trái, gãy đầu gần đốt 1 ngón II, đứt gân duỗi ngón II đã được điều trị, hiện ngón II bàn tay trái hạn chế gấp, duỗi, hạn chế động tác đối ngón I và II bàn tay trái; để sẹo lành kích thước (04 x 0,1) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1% + 2%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 15% *(mười lăm phần trăm)*.

- Các vết thương do vật sắc gây ra.

- Các vết thương vùng đỉnh, vùng đỉnh trái có chiều hướng lực tác động từ trên xuống dưới; Vết thương vùng đỉnh chẩm giữa có chiều hướng tác động từ sau ra trước; Vết thương vùng thái dương trái có chiều hướng lực tác động từ trái sang phải; Vết thương vùng trán có chiều hướng lực tác động từ trước ra sau; Các vết thương cổ tay trái, ngón I, II bàn tay trái có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 75/2023/TgT ngày 13/12/2022 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh B kết luận thương tích của Nguyễn Thị T như sau:

- Vết thương phần mềm vùng má – góc hàm trái hình chữ C đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (03 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 3%.

- Vết thương phần mềm vùng ngực đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (8,3 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 2%.

- Vùng vai lưng trái có 03 vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước:

+ Vết 1: (1,3 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

+ Vết 2: (2,3 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

+ Vết 3: (08 x 0,3) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 2%.

- Vết thương phần mềm vùng nách trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (7,8 x 0,6) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Vết thương phần mềm vùng vú trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (04 x 0,2) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm vùng thượng vị đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (9,5 x 0,6) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Vết thương 1/3 dưới mặt sau trước cẳng tay phải, đứt gân duỗi các ngón II, III, IV, V bàn tay phải đã được điều trị, hiện ổn định, để lại sẹo lành kích thước (10,5 x 0,3) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Vết thương phần mềm 1/3 trên mặt trước cẳng tay trái (không phải cổ tay trái như trong giấy chứng nhận thương tích) đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước (02 x 0,3) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 18% *(mười tám phần trăm)*.

- Các vết thương do vật sắc gây ra.

- Các vết thương vùng má – góc hàm trái, vùng ngực, vùng nách trái, vú trái, vùng thượng vị có chiều hướng lực tác động từ trước ra sau; Các vết thương vùng vai lưng trái có chiều hướng lực tác động từ sau ra trước; Các vết thương cẳng tay phải, cẳng tay trái có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn M không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Vật chứng vụ án: 01 đầu lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn, dài 11 cm, rộng 2,5 cm; 01 con dao cán màu xanh, trắng dài 13,5 cm, phần lưỡi bằng kim loại bị gãy còn lại một đoạn dài 3,3 cm, rộng 2,5 cm; 01 con dao cán bằng gỗ dài 14 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 24 cm, rộng 06 cm và 01 thanh gỗ vuông (3,5 x 3,5) cm, dài 1,8 m, hai đầu nhọn. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi quản lý.

Riêng chiếc xe mô tô biển số 86B6- 266.17 sau khi Lê Hữu L1 bị tai nạn giao thông đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị T.

Về dân sự: Bị cáo Lê Hữu L1 đã bồi thường cho Nguyễn Thị T và Hoàng Thị T1 mỗi người 40.000.000 đồng chi phí điều trị vết thương. Hiện nay bị hại bà T1, chị T không có yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Hữu L1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự;

Khoản 2 Điều 106, Điều 135, 136, 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu L1 phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Hữu L1 **6 (sáu)** năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, bị cáo Lê Hữu L1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, bị hại Nguyễn Thị T và Hoàng Thị T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo, bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội: *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là có ông nội là liệt sỹ đây là tình giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử; chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Lê Hữu L1 và bị hại Nguyễn Thị T, Hoàng Thị T1 phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở để được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Lê Hữu L1 và Nguyễn Thị T có mối quan hệ vợ chồng, quá trình chung sống L1 cho rằng T có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên ghen tuông, đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, sau đó T làm đơn yêu cầu ly hôn và đã được Toà án giải quyết cho ly hôn. Vào ngày 11/11/2022 sau khi nhậu xong L1 đã nảy sinh ý định gây thương tích cho chị T và bà T1, khoảng 22^{h} 00' cùng ngày (11/11/2022) tại thôn H, xã T, thị xã L; Lê Hữu L1 đã có hành vi dùng 02 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại đâm, chém trúng phần mềm vùng má, vùng ngực,

vùng vai lưng trái, vùng nách trái, vùng vú trái, vùng thượng vị và tay phải, tay trái của Nguyễn Thị T gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18% và đâm, chém trúng phần mềm vùng đỉnh chẩm giữa, phần mềm vùng đỉnh trái, phần mềm vùng thái dương trái, phần mềm vùng trán, phần mềm mặt sau cổ tay trái, bàn tay trái của Hoàng Thị T1 gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%.

Bị cáo dùng con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại đâm gây thương tích cho chị Nguyễn Thị T và bà Hoàng Thị T1 nên theo quy định tại điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, con dao là hung khí nguy hiểm nên đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt "*Dùng hung khí nguy hiểm"* và với tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị T là 18% và bà T1 là 15%.

Hành vi của bị cáo là cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Nội dung kháng cáo:

[3.1] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: mức hình phạt 06 (Sáu) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi; xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cũng như nhân thân của bị cáo. Mức hình phạt này đủ để trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật; các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận bị cáo có ông nội là liệt sỹ, đây những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự gia đình thuộc trường hợp có công với cách mạng, được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của người bị hại. Hội đồng xét xử, xét thấy bị hại và bị cáo có mối quan hệ là thân thích (chị T là vợ của bị cáo, còn bà T1 là mẹ vợ); hơn nữa tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T xác định hiện nay chị T và bị cáo cũng đã về chung sống với nhau để nuôi dạy con cái. Do đó, để tạo điều kiện cho các bên hàn gắn mối quan hệ, cũng như để cho bị cáo có điều kiện sửa chữa các sai lầm của

mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại. Sửa bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận phần kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu L1 và bị hại Hoàng Thị T1 và Nguyễn Thị T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

2. Áp dụng: Điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự

3. Tuyên bố: bị cáo Lê Hữu L1, phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

4. Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu L1 **05** *(năm)* năm tù; Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hữu L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/01/2024).

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
- VKSND tỉnh Bình Thuận; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKS, CA, TA, THA thị xã La Gi;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 - Công an tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

Vũ Thị Thanh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín Nguyễn Hồng Thái **Vũ Thị Thanh Hòa**